

**UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số ~~957~~/SGD&ĐT-GDDT&HSSV
V/v hướng dẫn công tác bảo vệ, chăm
sóc trẻ em năm 2016

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 9 tháng 5 năm 2016

Kính gửi:

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường, trung tâm trực thuộc Sở.
(gọi chung là các đơn vị)

Thực hiện Công văn số 227/SLĐT BXH-BVCSTE ngày 22/3/2016 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2016. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em năm 2016 như sau:

1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới, cụ thể:

- Lồng ghép nội dung bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp.

- Ưu tiên và đảm bảo việc thực hiện đầy đủ các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc huyện, xã, cấp ủy, chính quyền địa phương xây dựng nội dung hoạt động của phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

2. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch về trẻ em:

- Tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của Nhà nước, các cấp Bộ, ngành trung ương và địa phương: Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2013-2020 theo Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 61/2008/CT-BGDĐT ngày 12/11/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường phòng, chống HIV/AIDS trong ngành giáo dục; Kế hoạch Liên ngành số 3970/KHLN-BLĐT BXH-BGDĐT về thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2013 - 2020; Chương trình hành động vì trẻ em Cao Bằng số 3997/CTr-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch số 129/KH-SGD&ĐT ngày 16/12/2014 về thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2014-2020; Quyết định số

2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu vì trẻ em giai đoạn 2016-2020 phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đơn vị.

- Xác định lộ trình thực hiện các chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo hướng mở rộng đối tượng, phù hợp với tốc độ, điều kiện phát triển kinh tế-xã hội để bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em.

- Phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác giáo dục phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016-2020; tiếp tục thực hiện và nhân rộng 05 mô hình: Cộng đồng an toàn; ngôi nhà an toàn; trường học an toàn; an toàn giao thông đường bộ cho trẻ em tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; và mô hình phòng chống đuối nước trẻ em.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 1650/KH-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân tỉnh Cao Bằng về hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2014-2020.

3. Tiếp tục đẩy mạnh, đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc trẻ em:

- Vận động sự tham gia tích cực của các tổ chức, cộng đồng, gia đình, cá nhân và trẻ em để thực hiện các quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em.

- Tổ chức tháng hành động vì trẻ em năm 2016 với chủ đề “Vì cuộc sống an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích cho trẻ em” nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân và trẻ em về thực hiện các quyền của trẻ em, quan tâm đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đặc biệt trong việc bảo đảm môi trường an toàn, lành mạnh cho trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

- Tổ chức các sự kiện, hoạt động biểu dương, trao đổi kinh nghiệm để nhân rộng những tập thể, cá nhân có sáng kiến, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá về đường dây Tư vấn và hỗ trợ trẻ em - Phím số kỳ diệu 18001567 để mọi người dân và trẻ em liên hệ miễn phí khi có nhu cầu thông báo, tìm kiếm thông tin; phối hợp với đường dây trong việc tư vấn, can thiệp, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác trẻ em, bảo đảm nhân sự thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các cơ sở giáo dục.

5. Đưa nhiệm vụ thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em của đơn vị vào các chương trình, kế hoạch công tác năm 2016 và giai đoạn 2016-2020 nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của đơn vị có liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn lực dành cho trẻ em. Ưu tiên nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em sống ở vùng cao, biên giới, trẻ em trong các gia đình nghèo.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và thực hiện quyền trẻ em tại đơn vị.

- Thường xuyên thông tin, báo cáo ủy ban nhân dân các cấp, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại địa phương; xác minh những vấn đề, vụ việc đột xuất, nổi cộm để phối hợp, hỗ trợ giải quyết.

- Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại trẻ em; thiết lập, xử lý thông tin về trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần được trợ giúp, can thiệp.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình trẻ em và thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch về trẻ em...

Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện tốt các nội dung trên và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở GD&ĐT qua Phòng GDDT&HSSV trước ngày 20/6/2016 và 15/11/2016 (theo biểu đính kèm công văn này), bản dấu đỏ và bản mềm theo địa chỉ email: phonggcthssv.socaobang@moet.edu.vn. Trong quá trình triển khai thực hiện có vấn đề nảy sinh vướng mắc kịp thời thông tin theo số điện thoại: 0263.755.888 để phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng: GDMN, GDTH, GDTTH;
- Lưu: VT, VP, GDDT&HSSV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Mai Phương

THỐNG KÊ HỌC SINH CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Đơn vị:.....

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2015		Năm 2016			
		Tổng số học sinh	Tỷ lệ được chăm sóc	Tổng số học sinh	Tỷ lệ được chăm sóc	Trong đó:	
						Số học sinh được hưởng chính sách trợ giúp của nhà nước	Số học sinh được chăm sóc bằng các hình thức khác
		(Người)	(%)	(Người)	(%)	(Người)	(Người)
I	Học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (theo Luật BVCSTE - 2004)						
1	Học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh bị bỏ rơi						
	1.1. Học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh bị bỏ rơi được hưởng trợ giúp xã hội: trong đó						
	- Học sinh được chăm sóc tại Trung tâm bảo trợ xã hội						
	- Học sinh được chăm sóc tại gia đình (chăm sóc thay thế)						
	- Khác						
	1.2. Học sinh mồ côi (không được hưởng trợ giúp xã hội)						
2	Học sinh bị khuyết tật: trong đó						
	2.1. Học sinh khuyết tật (được hưởng trợ giúp xã hội)						
	2.2. Học sinh khuyết tật khác (không được hưởng trợ giúp xã hội): trong đó						
	Tổng số học sinh bị bệnh tim bẩm sinh						
	- Tổng số học sinh bị bệnh tim bẩm sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim						
	+ Tổng số học sinh được phẫu thuật						
3	Học sinh là nạn nhân chất độc hoá học						
	3.1. Học sinh nhiễm do di truyền						
	3.2. Học sinh nhiễm do các nguyên nhân khác						
4	Học sinh nhiễm HIV/AIDS						
5	Học sinh lao động(*): Trong đó:						

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2015		Năm 2016			
		Tổng số học sinh	Tỷ lệ được chăm sóc	Tổng số học sinh	Tỷ lệ được chăm sóc	Trong đó:	
						Số học sinh được hưởng chính sách trợ giúp của nhà nước	Số học sinh được chăm sóc bằng các hình thức khác
(Người)	(%)	(Người)	(%)	(Người)	(Người)		
	5.1. Học sinh lao động trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm						
	5.2. Học sinh tham gia hoạt động kinh tế và lao động (không bao gồm lao động nặng nhọc)						
6	Học sinh lang thang						
7	Học sinh bị xâm hại tình dục						
8	Học sinh nghiện ma túy						
9	Người chưa thành niên vi phạm pháp luật						
10	Học sinh làm việc xa gia đình						
II	Học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt						
11	Học sinh bị mua bán, bắt cóc						
12	Học sinh bị ngược đãi, bạo lực						
13	Trẻ em bị tai nạn thương tích						
	Trong đó: Tổng số trẻ em bị tử vong						
	- Học sinh tử vong do đuối nước						
	- Học sinh tử vong do tai nạn giao thông						
	- Học sinh tử vong do nguyên nhân khác						
14	Học sinh trong các gia đình nghèo						
15	Học sinh tảo hôn						
16	Học sinh bỏ học khi chưa hoàn thành chương trình phổ cập 9 năm						
17	Học sinh sống trong gia đình có vấn đề xã hội (Cha mẹ nghiện rượu, sử dụng ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm, ly hôn, bạo lực gia đình, HIV/AIDS ...): trong đó						
	- Số học sinh bị ảnh hưởng trực tiếp bởi HIV**						
	- Số học sinh có nguy cơ cao nhiễm HIV**						

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	Năm 2015		Năm 2016			
		Tổng số học sinh	Tỷ lệ được chăm sóc	Tổng số học sinh	Tỷ lệ được chăm sóc	Trong đó:	
						Số học sinh được hưởng chính sách trợ giúp của nhà nước	Số học sinh được chăm sóc bằng các hình thức khác
(Người)	(%)	(Người)	(%)	(Người)	(Người)		
18	Học sinh sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật (cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trực tiếp đang trong thời gian thi hành án)						
19	Học sinh sống trong gia đình có cha mẹ làm ăn xa (liên tục 6 tháng trở lên)						

..... ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Lao động trẻ em: những đối tượng sau đây được coi là lao động trẻ em.

- Học sinh từ 6 - 11 tuổi tham gia hoạt động kinh tế từ 1 giờ trở lên vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc từ 5 giờ trở lên trong cả tuần tham chiếu.
- Học sinh từ 12 - 14 tuổi: tham gia hoạt động kinh tế trên 4 giờ vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc trên 24 giờ trong cả tuần tham chiếu.
- Học sinh từ 15 - 17 tuổi: tham gia hoạt động kinh tế trên 7 giờ vào bất kỳ ngày nào trong tuần tham chiếu hoặc trên 42 giờ trong cả tuần tham chiếu.
- Học sinh từ 6 - 17 tuổi, tham gia làm các công việc cấm sử dụng lao động vị thành niên theo quy định của Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên.
- Học sinh làm công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm. Các công việc được coi là nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo qui định tại Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013

Lưu ý:

- Học sinh tham gia hoạt động kinh tế: Bao gồm trẻ em nhóm 5 - 17 tuổi tham gia các hoạt động sản xuất - kinh doanh dịch vụ, không phân biệt sản xuất để tiêu dùng hay để bán, được trả lương hay không trả lương, thỉnh thoảng hay thường xuyên làm việc, công việc hợp pháp hay không hợp pháp nhưng làm việc ít nhất một giờ đồng hồ vào bất kỳ ngày nào.
- Lao động trẻ em: Không phải tất cả trẻ em tham gia hoạt động kinh tế đều là lao động trẻ em. Những trẻ em nào tham gia các công việc nhẹ nhàng, không nằm trong danh mục cấm